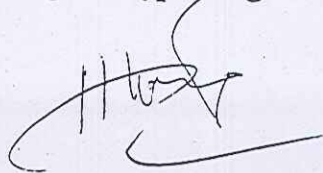


THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
Năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		Lớp 1	Lớp 2,3,4,5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Tất cả HS có: + Sinh năm 2014, 2013. + Có Hộ khẩu hoặc KT3 tại P11	- Có nhu cầu chuyển từ nơi khác về.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	Chương trình giáo dục Tiểu học hiện hành CV: Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, có năng lực tự học, có kĩ năng sống. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép văn minh trong ứng xử, thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ học sinh Tiểu học và tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa, xã hội, ...	
IV	Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	- Đầy đủ phòng học và phòng chức năng phục vụ học tập. - Trang thiết bị dạy học đầy đủ.	
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Giáo dục lịch sử, truyền thống đạo đức lối sống, kĩ năng sống cho học sinh. - Tích cực các hoạt động tập thể lành mạnh, mang tính giáo dục cao, hấp dẫn, vui tươi. - Tham quan dã ngoại.	
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Đội ngũ CBQL-GV đủ số lượng, đủ năng lực quản lí và giảng dạy. - Quản lí học sinh bằng phương pháp tích cực trong các hoạt động học tập và vui chơi trong học sinh.	
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Lên lớp: 99,4% - Năng lực, phẩm chất: 99,9% - Hoàn thành chương trình tiểu học: 99,56% (có 05 HS rèn luyện lại trong hè). - Hiệu suất đào tạo: 100%	
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	100% HS khối lớp 5 được vào học lớp 6 các trường công lập.	

Người lập bảng



Trần Huyền Trang

Quận. 6, ngày 25 tháng 8 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



Lý Văn Thuận

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH VÀO ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NĂM 2012-2013

STT		ĐỀ THI	
I		ĐỀ THI SỐ 1	
II		ĐỀ THI SỐ 2	
III		ĐỀ THI SỐ 3	
IV		ĐỀ THI SỐ 4	
V		ĐỀ THI SỐ 5	
VI		ĐỀ THI SỐ 6	
VII		ĐỀ THI SỐ 7	
VIII		ĐỀ THI SỐ 8	

ĐỀ THI THỬ TUYỂN SINH VÀO ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

NĂM 2012-2013



Người làm bài

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN VĂN LUÔNG

Biểu mẫu 06
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2019-2020

Số TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1146	204	218	232	205	287
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1146	204	218	232	205	287
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1146	204	218	232	205	287
1	Về năng lực	1146	204	218	232	205	287
	<i>Tự phục vụ</i>	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Tốt	1066	182	197	219	192	276
	- Đạt	79	21	21	13	13	11
	- Cần cố gắng	1	1				
	<i>Hợp tác</i>	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Tốt	1068	189	204	217	181	277
	- Đạt	77	14	14	15	24	10
	- Cần cố gắng	1	1				
	<i>Tự học giải quyết vấn đề</i>	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Tốt	1032	182	202	212	168	268
	- Đạt	113	21	16	20	37	19
	- Cần cố gắng	1	1				
2	Về phẩm chất	1146	204	218	232	205	287
	<i>Chăm học chăm làm</i>	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Tốt	1005	174	200	197	171	263
	- Đạt	140	29	18	35	34	24
	- Cần cố gắng	1	1				
	<i>Tự tin trách nhiệm</i>	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Tốt	1076	194	204	214	184	280
	- Đạt	69	9	14	18	21	7
	- Cần cố gắng	1	1				

	Trung thực, kỷ luật	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Tốt	1072	192	205	211	182	282
	- Đạt	73	11	13	21	23	5
	- Cần cố gắng	1	1				
	Đoàn kết, yêu thương	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Tốt	1118	200	207	227	201	283
	- Đạt	27	3	11	5	4	4
	- Cần cố gắng	1	1				
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1146	204	218	232	205	287
	Toán	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	1036	181	202	204	178	271
	- Hoàn thành	107	22	15	27	27	16
	- Chưa hoàn thành	3	1	1	1		
	Tiếng Việt	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	1007	177	195	195	179	261
	- Hoàn thành	135	25	23	35	26	26
	- Chưa hoàn thành	4	2		2		
	Đạo đức	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	1022	176	204	198	175	269
	- Hoàn thành	123	27	14	34	30	18
	- Chưa hoàn thành	1	1				
	Tự nhiên - Xã hội	654	204	218	232	-	-
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	572	176	201	195	-	-
	- Hoàn thành	81	27	17	37	-	-
	- Chưa hoàn thành	1	1			-	-
	Khoa học	492	-	-	-	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	462	-	-	-	182	280
	- Hoàn thành	30	-	-	-	23	7
	- Chưa hoàn thành		-	-	-		
	Lịch sử & Địa lí	492	-	-	-	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	452	-	-	-	181	271

	- Hoàn thành	40	-	-	-	24	16
	- Chưa hoàn thành						
	Âm nhạc	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	986	171	193	204	167	251
	- Hoàn thành	160	33	25	28	38	36
	- Chưa hoàn thành						
	Mĩ thuật	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	913	157	189	179	142	246
	- Hoàn thành	232	46	29	3	63	1
	- Chưa hoàn thành	1	1				
	Thủ công, Kỹ thuật	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	960	163	184	182	155	276
	- Hoàn thành	185	40	34	50	50	11
	- Chưa hoàn thành	1	1				
	Thể dục	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	1014	176	208	207	174	249
	- Hoàn thành	131	27	10	25	31	38
	- Chưa hoàn thành	1	1				
	Ngoại ngữ	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	734	131	139	134	118	212
	- Hoàn thành	411	72	79	98	87	75
	- Chưa hoàn thành	1	1				
	Tiếng dân tộc	0	-	-	-	-	-
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	0	-	-	-	-	-
	- Hoàn thành	0	-	-	-	-	-
	- Chưa hoàn thành	0	-	-	-	-	-
	Tin học	1146	204	218	232	205	287
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	803	165	160	136	162	180
	- Hoàn thành	343	39	58	96	43	107
	- Chưa hoàn thành						
	thành						

V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1141/1146 (99,56%)	202/204 (99,01%)	217/218 (99,54%)	230/232 (99,13%)	205/205 (100%)	287/287 (100%)
a	Trong đó: Học sinh được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	844/1146 (76,64%)	153/204 (75%)	180/218 (82,56%)	154/232 (66,37%)	151/205 (73,65%)	206/287 (71,77%)
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	05/1146 (0,43%)	02/204 (0,9%)	01/218 (0,45%)	02/232 (0,86%)	00/205 (00%)	00/287 (00%)

Quận 6, ngày 25 tháng 8 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Lý Văn Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC
NGUYỄN VĂN LUÔNG

Biểu mẫu 07

Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	28	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	4500	4,24
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2119	1,99
VI	Tổng diện tích các phòng	1344	-
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	-
2	Diện tích thư viện (m ²)	72	-
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	296	-
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	/	-
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	/	-
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	120	-
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	72	-
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	/	-
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	24	-
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	6	
1.2	Khối lớp 2	5	
1.3	Khối lớp 3	5	
1.4	Khối lớp 4	6	

1.5	Khối lớp 5	6	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	/	
2.2	Khối lớp 2	/	
2.3	Khối lớp 3	/	
2.4	Khối lớp 4	/	
2.5	Khối lớp 5	/	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	8	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	Thiết bị khác...	0	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	137
XI	Nhà ăn	297

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	28 - 1344 m ²	896	1,5 hs/chỗ
XIII	Khu nội trú	00	00	00

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	00	24	00	(24 x 48 m ²) (Nam:1146/2312) 0,5 (Nữ:1166/2312) 0,5

2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	00

(*Theo Quyết định số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 6, ngày 25 tháng 8 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Lý Văn Thuận



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN LƯƠNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2020-2021

Biểu mẫu 08
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	56			37	9	3	7	15	11	16	30	13		
	Giáo viên	40			31	9			15	11	13	27	13		
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	5			3	2			1	2	2	1	4		
3	Tin học	2			2				1		1		2		
4	Âm nhạc	1			1					1		1			
5	Mĩ thuật	1			1					1			1		
6	Thể dục	2			2				1		1		2		
II	Cán bộ quản lý	3			3						3	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	13			3		3	7							

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém	
1	Nhân viên văn thư	1					1									
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ	1			1											
4	Nhân viên y tế	1					1									
5	Nhân viên thư viện	1					1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1														
7	Nhân viên công nghệ thông tin															
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật															
9	Nhân viên học vụ															
10	Tổng phụ trách Đội	1							1							
11	Nhân viên bảo vệ	3							3							
12	Nhân viên phục vụ	3							3							

Quận 6, ngày 25 tháng 8 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị



Lý Văn Thuận